TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2023
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Quách Thị Thu Hương.

2. Ông Phan Quang Đáng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24A/2023/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Thị Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Ông Danh T, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đ và ông T qua thời gian tìm hiểu sau đó được sự thống nhất của gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 2006. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống mặt dù đã cố gắng hàn gắn để hạnh phúc gia đình không bị đỗ vỡ nhưng vẫn không có kết quả, cuộc sống hôn nhân vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã sống ly thân thời gian hơn 01 năm. Nay bà Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có con chung 01 người con chung là Danh Thị T, sinh ngày 22/8/2007, giới tính: Nữ, hiện nay con đang sống chung với bà Đ. Nay ly hôn bà Đ yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Danh Thị T không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Danh T để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình vắng mặt không rõ lý do trong quá trình tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đ được ly hôn với ông T. Về con chung, đề nghị giao cháu Danh Thị T, sinh ngày

22/8/2007, giới tính: Nữ, cho bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Đ không yêu cầu. Về tài sản chung không có; Về nợ chung không có, nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn ông Danh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do, xét thấy sự vắng mặt của ông T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Danh T.

Nguyên đơn bà Đ yêu cầu ly hôn với bị đơn ông T và yêu cầu giải quyết con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; bà Đ yêu cầu ly hôn với ông T, ông T có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**2**] *Nội dung vụ án*:

[**2.1**] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đ và ông T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2006, ông, bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, mặc dù ông bà đã có thời gian để cùng nhau hàn gắn nhưng vẫn không thành và hơn nữa ông bà đã sống ly thân hơn 01 năm. Nay bà Đ xác định không còn tình cảm với ông T, bà cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T nhưng ông T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình cố tình vắng mặt trong quá trình tòa án giải quyết vụ án. Xét thấy bà Đ không còn tình cảm với ông T và ông T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình và hiện ông bà đã sống ly thân trong thời gian dài. Từ đó,

thấy rằng mâu thuẫn ông bà đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 (*ly hôn theo yêu cầu một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Thị Đ được ly hôn với ông Danh T là phù hợp.

[**2.2**] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống ông bà có 01 người con chung là Danh Thị T, sinh ngày 22/8/2007, giới tính: Nữ, hiện nay con đang sống chung với bà Đ. Nay ly hôn bà Đ yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Danh Thị T không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi sống ly thân đến nay cháu T sống chung với bà Đ cuộc sống của con được đảm bảo. Nên việc bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T khi ly hôn là phù hợp nên chấp nhận giao cháu Danh Mỹ T, sinh ngày 22/8/2007, giới tính: Nữ, cho bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Đ không yêu cầu.

[**2.3**] *Về tài sản chung và nợ chung*:

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**3**] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng bà Đ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002630 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Bà Thị Đ được ly hôn với ông Danh T.

2- Về con chung: Giao cháu Danh Thị T, sinh ngày 22/8/2007, giới tính: Nữ, cho bà Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Đ không yêu cầu. (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*). Ông T được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4- Án phí ly hôn sơ thẩm: Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng bà Đ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002630 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/3/2023); đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)